TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 9

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2021
KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022

PHẦN THỨ NHẤT
KIỂM ĐIỂM TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2021

I. Kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Tổng giá trị SXKD đạt 499 tỷ/780 tỷ đạt 64% KH năm, tăng 19% so với cùng kỳ 2020 (419 tỷ đồng).
- Doanh thu đạt 459 tỷ/900 tỷ đạt 51% KH năm, tăng 29% so với cùng kỳ 2021 (357 tỷ).
- Lợi nhuận trước thuế đạt 9,14 tỷ/10 tỷ đạt 91% KH năm, tăng 190% so với cùng kỳ 2021 (3,15 tỷ).
- Nộp Ngân sách đạt 47 tỷ/44 tỷ đạt 107% KH năm, tăng 81% so với cùng kỳ 2020 (26 tỷ đồng).
- Tỷ lệ cổ tức (dự kiến): 1,5%.

II. Tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2021:

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2021		
			Kế hoạch	Thực hiện	%HT
1	Tổng giá trị SXKD	10^9đ	780	499	64
2	Doanh thu	"	900	459	51
3	Tiền về tài khoản	"	596	448	75
4	Nộp Ngân sách	"	45	47	105
5	Lợi nhuận trước thuế	"	10	9,14	91
6	Lợi nhuận sau thuế	"	9	5,53	61
7	Vốn chủ sở hữu	"	594	591	99
8	Vốn điều lệ	"	342	342	100
9	Tổng tài sản	"	2.239	2.065	92

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2021		
			Kế hoạch	Thực hiện	%HT
10	Tỷ lệ cổ tức	%	2	1,5	75
11	**Lao động tiền lương**				
-	Tổng số CBCNV bq sử dụng	Người	500	346	69
-	Thu nhập bq CBCNV/tháng	10^3đ	11.250	10.601	94
12	**Kế hoạch đầu tư**	**10^6đ**			
-	Đầu tư mở rộng SXKD	"	92	54	58
-	ĐT nâng cao năng lực thi công	"			

III. Kiểm điểm thực hiện các công trình năm 2021:

1. Thực hiện mục tiêu, tiến độ, chất lượng công trình:

1.1 Tình hình thực hiện kế hoạch sản lượng năm 2021:

TT	Công trình	ĐVT	Năm 2021		
			Kế hoạch	Thực hiện	%TH
1	Nhiệt điện Long Phú	10^9đ	28		
2	Gói thầu F2	"	212	76	36
3	Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ	"	3	11	367
4	Hồ chứa nước Cánh Tạng	"	56	30	54
5	Gói 3+4 Yên Xá	"	76	18	24
6	Công trình Hòa Liên	"	140	87	62
7	Công trình Tân Lộc	"	3	5	189
8	Thủy điện Pake	"	32	16	50
9	SX điện Nậm Khánh	"	45	52	116
10	SX điện Pake	"	110	137	125
11	Hoạt động tài chính, kinh doanh nhà và dịch vụ	"	28	42	150
12	Công trình quyết toán, công trình dự kiến khác	"	47	24	51
	Tổng cộng	"	**780**	**499**	**64**

1.2 Tình hình thực hiện tiến độ khối lượng năm 2021.

TT	Thành phần công việc	ĐVT	Năm 2021		
			Kế hoạch	Thực hiện	%HT
1	Bê tông CVC	m^3	86.666	64.834	75
2	Đào đất, đá	m^3	800.867	650.856	81
3	Đắp đất, đá	m^3	404.893	309.251	76
4	Gia cố bằng cọc BTCT	md	64.929	31.610	49
5	Cống thoát nước (Yên Xá)	m	3.293	1.003	30
6	Khoan phun, khoan thoát nước	md	7.119	2.759	39

2. Kiểm điểm thực hiện các công trình năm 2021:

1.1 Thực hiện đầu tư thủy điện Pake:

Thủ tục pháp lý, bồi thường GPMB:

- Hoàn thành công tác chi trả tiền bồi thường GPMB.
- Hoàn thành thủ tục thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công tác thi công:

✓ Sản lượng năm 2021 đạt: 16,6 tỷ/32 tỷ đạt 51% KH năm.

- Hoàn thành đổ bê tông lề đường lên trạm OPY, đổ bê tông mái kênh xả từ 237 tới đường VH1, thi công bê tông gia cố mặt đường VH2 (trừ phạm vi sạt), thi công bê tông đường VH1.
- Thi công bê tông gia cố vai phải hố xói cao độ 232.
- Xử lý bồi lắng hạ lưu hố xói và thanh thải kênh xả.
- Đang triển khai xây dựng khu cảnh quan, khu QLVH nhà máy.

Công tác nghiệm thu thanh, quyết toán:

- Đã kết thúc giai đoạn 1 công tác kiểm toán dự án.
- Đang triển khai quyết toán công trình.

* ***Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:***

- Thiếu hụt nhân lực thi công do ảnh hưởng của dịch Covid.
- Công tác quyết toán chậm do thiếu nhân lực kỹ thuật.

1.2 Gói thầu F2 - Cải tạo kênh:

✓ Sản lượng năm 2021 đạt: 76tỷ/212 tỷ đạt 36% KH năm.

- Hoàn thành 31.610md/64.929md cọc BTCT gia cố bờ kênh, đạt 49% KH năm.
- Hoàn thành 4.856m3/9.235m3 bê tông CVC các loại, đạt 53%KH năm.
- Đào đắp đất, đắp cát hoàn trả đạt 22.175m3/82.786m3, đạt 27% KH quý.
- Thi công cừ Larsen đạt 26.398md/61.481md, đạt 43% KH quý.

* ***Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:***

- Do Chủ đầu tư chậm thanh toán dẫn tới Sông Đà 9 và nhà thầu phụ thi công cầm chừng.

- Do dịch Covid 19, công trường dừng thi công từ ngày 24/07 đến hết tháng 09/2021 và ảnh hưởng của dịch covid.

1.3 Hồ chứa nước Cánh Tạng:

✓ Sản lượng năm 2021 đạt: 30,3 tỷ/56 tỷ đạt 54% KH năm.

- Hoàn thành tràn tự do vai phải, vai trái đạt cao độ thiết kế 88,75. Thi công bê tông tường, bê tông lõi đập tràn cửa van đạt cao độ 77,50.
- Thi công xong toàn bộ bê tông dốc nước; Hoàn thành toàn bộ gia cố bê tông hạ lưu dốc nước (trừ phần đường tiếp cận vai phải tràn), khối lượng 1.794m3.

* ***Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:***

- Công tác phối hợp giữa các thành viên liên danh trong bàn giao mặt bằng thi công kém hiệu quả.
- Chưa chủ động được nguồn cung vật tư dẫn đến triển khai gặp khó khăn.
- Do ảnh hưởng của dịch Covid dẫn đến huy động nhân lực, vật tư không kịp thời.
- Công trường xuất hiện mưa sớm so với cùng kỳ, gặp khó khăn triển khai thi công.

1.4 Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá (Gói 3+4):

✓ Sản lượng năm 2021 đạt: 18 tỷ/76 tỷ đạt 24% KH năm.

- Thi công tuyến cống các loại, khối lượng 34md.
- Hoàn thành lắp đặt cống HDPE D400 từ hố 26.0/0 đến hố 26.0/2, khối lượng 108md.
- Thi công lắp đặt cống bê tông D1200 từ giếng tách 21.0 đến hố ga 21.5, khối lượng 258md.
- Thi công 6 hố ga và 10 giếng tách.
- Thi công tuyến cống Hữu Hòa từ cọc 46.0/2/0/11 đến 46.0/2/0/18 và từ cọc 46.0/2/0/5 đến 46.0/2/0/6; Thi công tuyến cống Thanh Bình B từ cọc 43.0/2 đến 43.0/4 và tuyến Thanh Bình từ cọc 41.3 đến 41.4, khối lượng 369md.
- Lắp hố ga tuyến Hữu Hòa gồm các vị trí 46.0/2/0/12; 46.0/2/0/13; 46.0/2/0/14; 46.0/2/0/15; 46.0/2/0/16; 46.0/2/0/17; 46.0/2/0/18; 43.0/1; tuyến Thanh Bình B gồm các vị trí 43.0/3; tuyến Thanh Bình gồm các vị trí 41.3; 41.4, khối lượng 12 cái.

* ***Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:***

- Gói thầu số 3:

  + Công tác triển khai thi công chậm so với kế hoạch, dừng thi công do mùa mưa.

  + Do ảnh hưởng của dịch Covid dẫn đến huy động nhân lực, vật tư không kịp thời.
- Gói thầu số 4:

  + Tuyến Đại Thanh thi công gặp nhiều công trình hiện trạng ngầm phát sinh hoặc sai khác so với báo cáo khảo sát được duyệt gây rất nhiều khó khăn trong công tác thi công; BQL KĐT Đại Thanh cho phép mở phân đoạn mới sau khi Nhà thầu hoàn thiện công tác thảm nhựa đường phân đoạn từ 46.0/1/0 đến 46.0/1/6.

  + Tuyến cầu Hữu Hòa phân đoạn từ 46.0/2/0/6 đến 46.0/2/0/18 chỉ được phép thi công từng 15m một theo phương pháp cuốn chiếu theo yêu cầu của Sở Giao thông.

  + Tiến độ phê duyệt thiết kế tuyến cống Thanh Bình B từ 43.0/0 đến 43.0 chậm.

  + Ảnh hưởng dịch covid, dẫn đến công trường triển khai thi công gặp nhiều khó khăn.

1.5 Công trình Tân Lộc:

- Sản lượng thực hiện đạt 5,4 tỷ/2,8 tỷ đạt 189% KH năm.
- Hoàn thành thi công, bàn giao công trình.

1.6 Công trình Hòa Liên:

✓ Sản lượng thực hiện đạt 87 tỷ/140 tỷ đạt 62% KH năm.

- Hoàn thành toàn bộ công tác đào hố móng đập dâng, khắc phục sau bão.
- Hoàn thành đào mở rộng hạ lưu.
- Hoàn thành thi công bê tông cụm công trình đập dâng.
- Hoàn thành công tác xây lát đá gia cố hạ lưu.
- Hoàn thành toàn bộ công tác khoan phụt chống thấm, gia cố.
- Hoàn thành toàn bộ công tác lắp đặt cơ khí khoang 1-:-8.

* ***Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:***

- Thiếu vật tư, vật liệu, nhân lực do chưa chủ động tài chính trong sản xuất.
- Do ảnh hưởng covid, công trường dừng thi công từ ngày 16/08 đến hết ngày 25/08, sau thời điểm 25/8 triển khai chậm do thực hiện 3 tại chỗ.
- Do ảnh hưởng của bão số 5, 6 công trường dừng thi công khắc phục sau bão từ ngày 11/09 đến 15/10.

1.7 Sân golf Phúc Tiến

✓ Sản lượng thực hiện đạt 28 tỷ.

- Hoàn thành công tác đào hồ, hố móng hồ đập, hố móng tràn giếng và cống thông hồ.
- Hoàn thành thi công san lấp, đắp đất dự án.
- Hoàn thành lót trải vải địa lòng hồ, khối lượng 25.981m2/25.981m2
- Hoàn thành lót trải màng HDPE, khối lượng 37.756m2/37.756m2
- Thi công bê tông các loại đạt 1.437m3/1.459m3 đạt 98% KH quý.

* ***Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:***

- Thời tiết xuất hiện mưa sớm so với cùng kỳ, mưa nhiều, dẫn tới ảnh hưởng tới công tác thi công lòng hồ, trải vải địa, HDPE và đắp đất.
- Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng, thiết kế chậm và thay đổi thiết kế nhiều lần, bổ sung hạng mục Nhà bơm nước.
- Do ảnh hưởng của dịch Covid dẫn đến huy động nhân lực, vật tư không kịp thời.

IV. Kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2021.

- Công tác sản xuất công nghiệp: Đảm bảo an toàn quy trình vận hành các nhà máy thủy điện trong mùa dịch; các tổ máy hoạt động ổn định, liên tục, tận dụng tối đa nguồn nước, đảm bảo đẩy mạnh sản lượng đạt và vượt kế hoạch đề ra.
- Công tác nhân lực, đào tạo, tuyển dụng:
  + Sáp nhập Chi nhánh Sông Đà 901 và Chi nhánh Sông Đà 908; sáp nhập Ban TCHC và Ban TCKT của CN901 thành Ban Tổng hợp; Phê duyệt mô hình tổ chức sản xuất và định biên nhân sự tại Chi nhánh Sông Đà 901 sau sáp nhập.

+ Cân đối nguồn nhân lực giữa các công trường, giữa công ty và các công trường trong giai đoạn phòng, chống dịch covid-19 vừa đảm bảo sức khỏe của người lao động vừa đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.
+ Tăng cường công tác tuyển dụng, đào tạo, không ngừng bổ sung nguồn nhân lực mới có chất lượng cao, đồng thời duy trì, tổ chức đào tại đối với nguồn nhân lực sẵn có. Trong năm 2021 đã thực hiện tuyển dụng 51 người; 259 lượt người ký qua HĐ nhân công, cử 112 lượt người tham dự các lớp bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ; thực hiện thủ tục bổ nhiệm cho 21 lượt cán bộ.
+ Tổ chức đào tạo nhân lực tại chỗ đối với cán bộ kỹ thuật, công nhân hiện trường nâng cao năng lực thi công.

- Tài chính và nguồn vốn:
  + Cập nhật chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với doanh nghiệp để kịp thời điều chỉnh hồ sơ phù hợp.
  + Cân đối, thu xếp vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, xây dựng mối quan hệ với các tổ chức tín dụng để đảm bảo đa dạng nguồn vốn và chi phí lãi vay thấp. Làm việc với các ngân hàng để cơ cấu lại các khoản vay do ảnh hưởng của dịch covid - 19.
  + Lập đề án tái cấu trúc tài chính dài hạn và đang trình TCT Sông Đà.
  + Đẩy mạnh thu hồi công nợ, lập kế hoạch thu vốn cụ thể đối với từng công trình; phân công chi tiết tổ thu vốn, bám sát mục tiêu thu vốn tại Đồng Nai 5, Nậm Chiến, Hủa Na. Nậm Thuen, Dakmi 2.
  + Thực hiện xây dựng kế hoạch thanh toán, tiền về đồng thời với kế hoạch xây lắp hàng tháng, quý; duyệt lương hàng tháng theo quy định; đảm bảo kế hoạch huy động nhân lực làm việc tại các công trình theo yêu cầu mục tiêu đã đề ra
  + Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho từng dự án, công trình để đảm bảo hiệu quả kinh tế,
  + Công tác kiểm toán, minh bạch tài chính: Thực hiện đầy đủ về chế độ kiểm toán, công bố thông tin đại chúng.
  + Kiểm tra, giám sát và hướng dẫn bộ phận kế toán tại các công trình, dự án trong công ty tập hợp và hạch toán chi phí đảm bảo việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và phù hợp với từng công trình, dự án.
- Công tác quản lý dự án và đấu thầu:
  + Về dự án Pa Ke: Đảm bảo an toàn trong công tác vận hành nhà máy thủy điện; Đã xây dựng mục tiêu, kế hoạch và phân công nhiệm vụ cụ thể để quyết toán dự án thủy điện Pa Ke.
  + Xây dựng chương trình thực hiện kế hoạch tham gia đấu thầu các gói thầu phát hành hồ sơ qua mạng đấu thầu quốc gia.
  + Đẩy mạnh công tác tiếp thị, tìm kiếm việc làm, kết quả trúng thầu gói thầu dự án sân golf Phúc Tiến với giá trị 30 tỷ đồng.
- Công tác kinh tế - pháp chế:
  + Xây dựng kế hoạch tháng, quý, năm làm cơ sở cho việc triển khai thực hiện.

+ Kiểm soát công tác ký kết các hợp đồng trong toàn Công ty theo đúng quy định phân cấp quản lý hợp đồng của TCT, Công ty và pháp luật hiện hành.
+ Quyết toán xong các công trình như: Lai Châu, Huội Quảng, Nậm Chiến, Sơn La; các công trình còn vướng mắc chưa quyết toán xong bao gồm: Xekaman 1, Xekaman 3, Nậm Theun1, Nhà Quốc hội; các công trình khác nguyên nhân do vướng mắc từ phía CĐT chưa thống nhất được biện pháp, khối lượng và TDT; một phần do CĐT thiếu vốn nên quyết toán chậm.
+ Xây dựng giá thành các công trình, thực hiện quản lý các đơn vị nhận khoán công trình.
+ Rà soát các quy chế quản lý của Công ty để sửa đổi bổ sung phù hợp với thực trạng SXKD của đơn vị. Xây dựng và điều chỉnh các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị; giảm đầu mối trung gian, tăng cường khoán quản.
+ Hoàn thành quy định chế độ, trách nhiệm kiểm soát khối lượng, doanh thu, tiền về theo nguyên tắc chủ công trình, giám đốc dự án; kiểm tra thực hiện các quy định giao khoán, quyết toán giao khoán nhằm khắc phục những tồn tại trong quản lý.

- Công tác quản lý khối lượng, tiến độ, an toàn:
  + Quản lý khối lượng, tiến độ, đặc biệt là công tác nghiệm thu, thu vốn tại các công trình, dự án;
  + Kiểm soát, đôn đốc các đơn vị thực hiện các mục tiêu tiến độ thi công, thu vốn các công trình.
  + Chủ trì giải quyết các vướng mắc liên quan đến công tác nghiệm thu, quyết toán công trình Xekaman1, Đồng Nai 5, Đắc My 2…
  + Công tác kiểm soát mục tiêu, tiến độ các công trường chưa thực sự đồng bộ, việc xây dựng kế hoạch chưa đánh giá hết rủi ro tại các dự án dẫn tới các mục tiêu tiến độ trên một số công trường không hoàn thành theo kế hoạch đề ra như Pake, F2, Long Phú, gói thầu số 3,4 Yên Xá….
  + Duy trì công tác an toàn vệ sinh môi trường tại các Dự án, giảm thiểu tối đa việc mất an toàn trong thi công.
- Công tác quản lý vật tư, thiết bị:
  + Đối với xe máy thiết bị cho thuê: Tuân thủ đúng quy trình quản lý thiết bị cho thuê; xây dựng dự toán sửa chữa XMTB dự kiến cho thuê.
  + Lập phương án tổ chức sửa chữa tập trung XMTB và thu hút thợ bậc cao của Công ty.
  + Tăng cường sửa chữa, bảo dưỡng xe máy, thiết bị trong toàn Công ty. Lập kế hoạch và đã đưa XMTB vào củng cố sửa chữa phục vụ thi công công trình sân Golf Phúc Tiến, công trình Hòa Liên, và công trình Tân Lộc.
  + Thực hiện giám sát, hướng dẫn trong việc quản lý nhiên liệu, vận hành thiết bị.
  + Chủ động rà soát trình cấp có thẩm quyền thanh lý máy móc thiết bị đã hết khấu hao, không còn nhu cầu sử sụng nhằm giảm chi phí sản xuất kinh doanh, đảm bảo lợi ích của doanh nghiệp.

PHẦN THỨ HAI
KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022

I. Kế hoạch SXKD năm 2022:

1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu.

TT	Công trình	ĐVT	Kế hoạch SXKD năm 2022
1	Tổng giá trị SXKD	10^9đ	634
2	Doanh thu	"	579
3	Tiền về tài khoản	"	555
4	Nộp Ngân sách	"	41,6
5	Lợi nhuận trước thuế	"	10
6	Thu nhập bq CBCNV/tháng	10^3đ	11.669
7	Đầu tư mở rộng SXKD	10^6đ	15
8	Cổ tức	%	2,5

2. Kế hoạch sản lượng các công trình năm 2022

TT	Công trình	ĐVT	Kế hoạch
1	Nhiệt điện Long Phú	Tỷ đồng	50
2	Gói thầu F2	Tỷ đồng	170
3	Hồ chứa nước Cánh Tạng	Tỷ đồng	18
4	Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá	Tỷ đồng	70
5	Nhà máy nước Hòa Liên	Tỷ đồng	14
6	Thanh thải thủy điện Sơn La	Tỷ đồng	10
7	Sản xuất điện Nậm Khánh	Tỷ đồng	50
8	Sản xuất điện Pake	Tỷ đồng	120
9	Hoạt động tài chính, kinh doanh nhà và dịch vụ	Tỷ đồng	31
10	Công trình dự kiến	Tỷ đồng	99
	Tổng cộng	**Tỷ đồng**	**634**

3. *Mục tiêu, tiến độ, khối lượng năm 2022*

TT	Nội dung	ĐVT	Khối lượng
1	Bê tông CVC	m^3	24.880
2	Đào đất đá	m^3	1.753.858
3	Đắp đất đá	m^3	473.116
4	Gia cố bằng cọc BTCT	m	33.954
5	Cống thoát nước (Yên Xá)	m	2.509
6	Hố ga	hố	60
7	Giếng tách	cái	51

3.1 Gói thầu F2 - Cải tạo kênh:

✓ Kế hoạch sản lượng: 170 tỷ. Trong đó:

- Hoàn thành 100% công tác thi công đóng cọc BTCT toàn bộ công trình.
- Hoàn thành thi công bê tông các loại phạm vi 2 bờ Kênh Tàu Hũ, Kênh Ngang 3.
- Hoàn thành nạo vét kênh, đắp cát, dăm lọc, trải vải địa kỹ thuật và cải tạo cảnh quan công trình.
- Hoàn thành công tác thi công, bàn giao công trình trước 30/6/2022.

3.2 Công trình Long Phú:

✓ Kế hoạch sản lượng: 50 tỷ. Trong đó:

- Hoàn thành 100% công tác đắp cát xử lý nền đập và trải vải địa kỹ thuật trước 31/12/2022.

3.3 Hồ chứa Cánh Tạng:

✓ Kế hoạch sản lượng: 18tỷ. Trong đó:

- Hoàn thành công tác bê tông gia cố mái thượng lưu, hạ lưu đập chính và bê tông đỉnh đập.
- Thi công xong hạng mục đầu tràn.
- Hoàn thành thi công công trình trước 30/6/2022.

3.4 Công trình Yên Xá (gói 3):

✓ Kế hoạch sản lượng: 35 tỷ. Trong đó:

- Hoàn thành thi công lắp đặt cống HDPE, uPVC, lắp dựng hố ga và thi công giếng tách tuyến đào mở sông Sét, tuyến cống chính đào mở sông Lừ trước 17/5/2022.

3.5 Công trình Yên Xá (gói 4):

✓ Kế hoạch sản lượng: 35 tỷ. Trong đó:

- Hoàn thành thi công lắp tuyến cống các loại 1.149m, lắp dựng 40 hố ga và thi công 13 giếng tách 25/8/22.

3.6 Công trình Hòa Liên

✓ Kế hoạch sản lượng: 14 tỷ. Trong đó:

- Thi công bê tông 1.661m3.

- Dỡ đê quây 9.134m3.
- Lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công 111 tấn
- Hoàn thành công tác gia công, lắp đặt, ban giao đưa vào vận hành.

3.7 Thanh thải thủy điện Sơn La

✓ Kế hoạch sản lượng: 10,13 tỷ. Trong đó:

- Thi công đào phá đá 17.377m3.
- Xúc vận chuyển đất đá: 165.281m3

3.8 Sản xuất công nghiệp

- Giá trị sản xuất công nghiệp: 170 tỷ đồng (Nậm Khánh 50 tỷ, Pake 120 tỷ).
- Giá trị sản lượng điện: 134 triệu kw (Nậm Khánh 40,37 triệu kw; Pake 93,87 triệu kw).

3.9 Cho thuê văn phòng và cho thuê XMTB 10 tỷ, hoạt động tài chính 21,4 tỷ.

3.10 Công trình dự kiến khác: 99 tỷ

II. Các giải pháp và nhiệm vụ trọng tâm để hoàn thành kế hoạch năm 2022:

- Tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ SXKD năm 2022 cũng như các năm tiếp theo. Xây dựng kế hoạch SXKD tháng, quý trên cơ sở mục tiêu tiến độ được phê duyệt; giải pháp thực tiễn để thực hiện.
- Thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp giai đoạn 2022-2026, bao gồm:
  + Tái cấu trúc ngành nghề kinh doanh.
  + Tái cấu trúc tổ chức, nhân lực.
  + Tái cấu trúc tài chính.
- Xây dựng mô hình tổ chức của Công ty phù hợp, sát thực với ngành nghề kinh doanh, định hướng phát triển ngắn hạn và dài hạn. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn trách nhiệm của từng cá nhân vào doanh thu, lợi nhuận của đơn vị.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Đào tạo, phổ biến văn hóa doanh nghiệp tới từng bộ phận: Lãnh đạo cấp cao, quản lý cấp trung, nhân viên và các nhà thầu phụ.
- Quản lý tốt công tác an toàn trên các công trường Công ty tham gia thi công.
- Chỉ đạo quyết liệt công tác nghiệm thu, thanh toán, thu hồi công nợ, giảm công nợ cá nhân, công nợ khó đòi đảm bảo lành mạnh hóa tài chính của Công ty.
- Thực hiện kế hoạch tài chính, tín dụng sát thực tế nhằm đảm bảo vốn cho sản xuất liên tục, kịp thời.
- Xây dựng chương trình, lộ trình để thoái các khoản đầu tư về tài chính. Có một kế hoạch tài chính ngắn hạn, rõ ràng.
- Tiếp tục thực hiện công tác tái cấu trúc tài chính; cơ cấu lại các khoản vay và tăng hạn mức tín dụng tại các Ngân hàng đối với từng công trình.
- Xây dựng, phê duyệt kế hoạch giá thành, kế hoạch chi phí cho từng công trình; quản lý theo giá thành các công trình đã được phê duyệt, đảm bảo các chỉ tiêu lợi nhuận đã tính toán.

- Phân tích kết quả hoạt động SXKD hàng tháng theo từng công trình, xác định các tồn tại, yếu kém, bất cập để có hướng khắc phục nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả kinh tế.
- Giải quyết dứt điểm các vướng mắc kinh tế tại công trình thi công; tập trung cho công tác quyết toán các công trình đã thi công xong.
- Tăng cường quản lý, giám sát chặt chẽ công tác hợp đồng từ khâu đàm phán đến khi kết thúc. Ngừa các rủi ro, đưa ra những cảnh báo, phương án giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng một cách kịp thời.
- Xây dựng quan hệ thầu phụ/nhà cung cấp chiến lược nhằm hỗ trợ, cộng hưởng cùng phát triển. Tập trung xây dựng kế hoạch mua hàng hóa một cách chi tiết, chính xác dựa trên kế hoạch khởi tạo, kế hoạch thi công cho từng dự án/hạng mục để quá trình mua hàng được dễ dàng, không để tình trạng bị động. Tiếp tục mở rộng danh sách nhà cung ứng, nâng cao hơn nữa việc mua bán tận gốc tận nơi sản xuất hàng hóa nhằm góp phần giảm thiểu chi phí đầu vào *(đặc biệt là các vật tư, thiết bị nhập khẩu).*
- Tăng cường sửa chữa, bảo dưỡng XMTB. Rà soát thật cụ thể tình hình sản xuất tại các công trường từ XMTB, vật tư, con người để điều động tăng cường bổ sung cho các nơi còn thiếu, tận dụng tối đa nguồn lực hiện có của đơn vị
- Xây dựng phương án khoán trong công tác đấu thầu, tăng tính chủ động trong công việc và công tác tìm kiếm, phát triển thị trường.
- Tiếp thị các dự án nhiệt điện lớn có yếu tố nước ngoài, các dự án điện gió, điện mặt trời do các Tập đoàn lớn đầu tư khu vực miền trung và Tây nguyên;
- Chú trọng tìm kiếm, tham gia đấu thầu các dự án về môi trường, biến đổi khí hậu có nguồn vốn nước ngoài (ODA) như WB, ADB, JK...
- Tiếp tục tìm kiếm việc làm từ các công trình thủy điện vừa và nhỏ trong và ngoài nước.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện SXKD năm 2021; kế hoạch SXKD năm 2022 và các giải pháp để thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2022 của Công ty cổ phần Sông Đà 9, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

M.S.D.N: 0100845515-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9
Q. NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Hải Sơn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BÁO CÁO
THỰC HIỆN KHSXKD NĂM 2021; KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022

Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu.

STT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2021			KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	%HT	
I	**Tổng giá trị SXKD**	**10^6đ**	**780.200**	**499.211**	**64**	**634.000**
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10^6đ	597.200	267.628	45	433.000
2	Giá trị sản xuất điện	10^6đ	155.000	189.212	122	170.000
3	Giá trị kinh doanh dịch vụ khác	10^6đ	28.000	42.371	151	31.000
II	**Kế hoạch tài chính**					
II	**Doanh số**	**10^6đ**	**972.360**	**502.060**	**52**	**631.300**
1	Tổng doanh thu	10^6đ	900.000	458.775	51	579.164
2	Tiền về tài khoản	10^6đ	596.217	447.663	75	555.293
3	Nộp Ngân sách	10^6đ	45.000	47.460	105	41.600
4	Lợi nhuận					
	- Lợi nhuận trước thuế	10^6đ	10.000	9.138	91	10.000
	- Lợi nhuận sau thuế	10^6đ	9.000	5.531	61	9.600
6	Tỷ suất lợi nhuận					
	Lợi nhuận cận biên (LN trước thuế/Doanh thu)	%	1,1	2,0	179	1,7
	ROE (Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bq)	%	1,5	0,9	62	1,6
	ROA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq)	%	0,4	0,3	67	0,5
6	Vốn chủ sở hữu	10^6đ	594.268	590.799	99	594.541
7	Vốn điều lệ	10^6đ	342.340	342.340	100	342.340
8	Tổng tài sản	10^6đ	2.239.052	2.065.467	92	1.892.970
9	Nợ phải trả	10^6đ	1.644.784	1.474.668	90	1.298.429
10	Hệ số nợ phải trả/(VCSH)	lần	2,8	2,5	90	2,2
11	Hệ số nợ phải trả/(VĐL)	lần	4,8	4,3	90	3,8
12	Tỷ lệ cổ tức	%	2,0	1,5	75	2,5
III	**Lao động và tiền lương**					
1	Tổng số CBCNV bình quân sử dụng	Người	500	346	69	550
2	Thu nhập bình quân CBCNV/tháng	10^3đ	11.301	10.601	94	11.669
B	**Kế hoạch đầu tư**	**10^6đ**	**92.329**	**53.765**	**58**	**15.000**

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

PHÒNG KINH TẾ - PHÁP CHẾ	PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN	TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Gia Hản	*Trần Thế Anh*	*Nguyễn Hải Sơn*

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 9

BÁO CÁO

GIÁ TRỊ THỰC HIỆN THU VỐN NĂM 2021; KẾ HOẠCH THU VỐN NĂM 2022

TT	Công trình	ĐVT	Dở dang 31/12/2020	SLTH 2021	Thu vốn 2021			Dở dang đến 31/12/2021	Kế hoạch năm 2022	
					Kế hoạch	Thực hiện	%HT		Sản lượng	Thu vốn
	Giá trị SXKD	**10^3đ**	**396.770.053**	**499.210.786**	**972.326.903**	**502.060.381**	**52**	**393.920.459**	**634.000.000**	**631.300.000**
1	Thuỷ điện Xekaman3	10^3đ	5.306.440	-	5.306.440	-		5.306.440		5.306.440
2	Thuỷ điện Huội Quảng	10^3đ	-	3.460.164		3.460.164		-		
3	Thủy điện XêKaMan1	10^3đ	100.001.391	-	100.001.391	-		100.001.391		
4	Thủy điện Nậm Thuen 1	10^3đ	62.829.702	-	50.000.000	-		62.829.702		30.000.000
5	Thủy điện Đồng Nai 5	10^3đ	4.902.830	- 10.585.282	4.902.830	- 10.585.282		4.902.830		4.902.830
6	Thủy điện Đắk Mi II	10^3đ	3.492.095	-	3.492.095	-		3.492.095		
7	Nhà Quốc Hội	10^3đ	1.465.745	-	1.465.745	-		1.465.745		
8	Thủy điện Tân Thượng	10^3đ	60.711.980	-	50.000.000	-		60.711.980		
9	Công trình thủy điện Pake	10^3đ	66.955.612	16.321.058	80.764.833	29.606.680		53.669.990	-	10.000.000
10	Thủy điện Sơn Giang	10^3đ	6.022.564	-	6.022.564	-		6.022.564		6.022.564
11	Nhiệt điện Long Phú	10^3đ	7.974.136	-	30.806.121	-		7.974.136	50.428.262	58.402.398
12	Gói thầu F2 - Cải tạo kênh	10^3đ	16.909.955	76.241.378	205.861.442	78.914.207		14.237.126	170.343.993	153.590.814
13	Hồ chứa nước Bản Lải	10^3đ	5.173.631	- 1.581.199	5.173.631	1.686.530		1.905.902		
14	Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ	10^3đ	45.211.698	10.874.945	14.339.995	12.039.683		44.046.960	-	1.500.000
15	Công trình Cánh Tạng	10^3đ	2.128.243	30.314.217	44.700.736	29.877.051		2.565.409	17.847.082	20.412.490
16	Công trình Yên Xá	10^3đ	204.899	18.059.417	56.915.319	18.059.417		204.899	70.395.060	51.326.962
17	Công trình Tân Lộc	10^3đ	2.375.329	5.404.149	4.253.726	6.008.831		1.770.646	-	1.770.646
18	Công trình Hòa Liên	10^3đ	4.772.464	86.910.549	105.320.036	78.816.185		12.866.828	14.192.630	27.059.458
19	Thanh thải Sơn La	10^3đ		4.432.390		3.531.659		900.731	10.133.552	11.034.283

TT	Công trình	ĐVT	Dở dang 31/12/2020	SLTH 2021	Thu vốn 2021			Dở dang đến 31/12/2021	Kế hoạch năm 2022	
					Kế hoạch	Thực hiện	%HT		Sản lượng	Thu vốn
20	Sân golf Phúc Tiến	10^3đ		27.776.090		18.731.002		9.045.089		9.045.089
20	Công trình dự kiến khác	10^3đ	-	-	20.000.000	-		-	99.199.881	39.550.000
21	Phục vụ xây lắp, KDVT, HĐTC HĐ #	10^3đ	331.345	42.370.646	28.000.000	42.701.991		-	31.420.000	31.420.000
22	Sản xuất công nghiệp	10^3đ	-	-		-		-		
-	Nậm Khánh	10^3đ	-	51.898.672	45.000.000	51.898.672		-	50.000.000	50.000.000
-	Pake	10^3đ	-	137.313.590	110.000.000	137.313.590		-	120.000.000	120.000.000

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

BÁO CÁO
THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NĂM 2021, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2022

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐVT	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2021				LŨY KẾ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NĂM 2021				KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2022			
			TỔNG CỘNG	TRONG ĐÓ			TỔNG CỘNG	TRONG ĐÓ			TỔNG CỘNG	TRONG ĐÓ		
				XÂY LẮP	THIẾT BỊ	CP KHÁC +LÃI VAY		XÂY LẮP	THIẾT BỊ	CP KHÁC +LÃI VAY		XÂY LẮP	THIẾT BỊ	CP KHÁC +LÃI VAY
A	CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 9	10^3Đ	**92 328 767**	**31 963 620**	**8 030 336**	**52 334 811**	**53 764 674**	**16 321 058**	**2 357 616**	**35 086 000**	**15 000 000**			**15 000 000**
I	**Đầu tư mở rộng SXKD**	10^3đ	**92.328.767**	**31.963.620**	**8.030.336**	**52.334.811**	**53.764.674**	**16.321.058**	**2.357.616**	**35.086.000**	**15.000.000**			**15.000.000**
1	Thủy điện PaKe	"	92.328.767	31.963.620	8.030.336	52.334.811	53.764.674	16.321.058	2.357.616	35.086.000	15.000.000			15.000.000
II	**Đầu tư nâng cao năng lực T.bị**	"												
III	**Đầu tư tài chính**	"												

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2021, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2022

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2021	THỰC HIỆN 2021	TỶ LỆ HOÀN THÀNH	KẾ HOẠCH NĂM 2022
I	**GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG**	**103đ**	**780.200.000**	**499.210.786**	**64%**	**634.000.000**
II	**DOANH SỐ BÁN HÀNG**	**103đ**	**972.360.300**	**502.060.382**	**52%**	**631.300.000**
1	Doanh thu	103đ	900.000.000	458.774.787	51%	579.163.637
a	HĐ SX kinh doanh	103đ	876.438.000	432.855.954	49%	557.743.637
b	Hoạt động tài chính, khác	103đ	23.562.000	25.918.832	110%	21.420.000
2	Thuế GTGT đầu ra	103đ	72.360.300	43.285.595	60%	52.136.363
III	**THU TIỀN VỀ TÀI KHOẢN**	**103đ**	**596.217.364**	**447.663.311**	**75%**	**555.293.025**
V	**LỢI NHUẬN**					
1	**Mức lợi nhuận trước thuế**	**103đ**	**10.000.000**	**9.138.449**	**91%**	**10.000.000**
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	103đ	1.000.000	3.607.493	361%	400.000
3	Lợi nhuận sau thuế	103đ	9.000.000	5.530.956	61%	9.600.000
4	Tỷ lệ lợi nhuận					
	- Lợi nhuận/doanh thu (LN cận biên)	%	1,1%	2,0%	179%	1,7%
	- Lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ	%	2,6%	1,6%	61%	2,8%
	- Lợi nhuận sau thuế/vốn CSH	%	1,5%	0,9%	62%	1,6%
	- Lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	0,4%	0,3%	67%	0,5%
VI	**CÁC KHOẢN NỘP NS**	**10 3 đ**	**45.000.000**	**47.460.398**	**105%**	**41.600.332**
1	Các khoản nộp nhà nước	103đ	37.424.041	41.954.198	112%	35.818.822
2	Các khoản nộp khác	103đ	7.575.959	5.506.200	73%	5.781.510
VII	**TIỀN LƯƠNG VÀ THU NHẬP**					
1	CBCNV đến cuối kỳ	người	500	307	61%	550
2	CBCNV bình quân	người	500	346	69%	550
3	Tổng quỹ lương thực trả	103đ	67.807.390	44.016.731	65%	77.015.000
4	Các khoản thu nhập khác	103đ				
5	Tổng thu nhập	103đ	67.807.390	44.016.731	65%	77.015.000
6	Tiền lương b/q CBCNV	103đ	11.301	10.601	94%	11.669
7	Thu nhập b/q CBCNV	103đ	11.301	10.601	94%	11.669
VIII	**TSCĐ VÀ KHẤU HAO TSCĐ**					
1	Nguyên giá BQ cần tính KH	103đ	1.197.969.741	1.698.186.197	142%	1.698.186.197
2	Số tiền trích khấu hao	103đ	66.303.189	66.303.189	100%	54.497.714
3	Tỷ lệ khấu hao	103đ	5,5%	3,9%	71%	3,2%
4	Nguyên giá TSCĐ đầu kỳ	103đ	1.698.186.197	1.698.186.197	100%	1.698.186.197
5	Nguyên giá TSCĐ đến cuối kỳ	103đ	1.698.186.197	1.698.186.197	100%	1.698.186.197
6	Giá trị TSCĐ còn lại đến cuối kỳ	103đ	875.966.812	875.966.812	100%	821.469.098
IX	**VỐN K.DOANH ĐẾN CKỲ**	**103đ**	**1.644.052.456**	**1.450.409.862**	**88%**	**1.502.134.816**
1	Vốn chủ sở hữu	103đ	594.268.272	590.799.229	99%	594.541.432
a	Vốn điều lệ	103đ	342.340.000	342.340.000	100%	342.340.000
b	Thặng dư vốn	103đ	21.400.709	21.400.709	100%	21.400.709
c	Quỹ ĐTPT	103đ	219.965.678	219.965.678	100%	219.965.678
d	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	103đ	10.561.885	7.092.842	67%	10.835.045
2	Nguồn vốn vay	103đ	1.049.784.184	859.610.633	82%	907.593.384
3	Tổng tài sản	103đ	2.239.052.456	2.065.466.848	92%	1.892.970.430

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2021	THỰC HIỆN 2021	TỶ LỆ HOÀN THÀNH	KẾ HOẠCH NĂM 2022
4	Nợ phải trả	103đ	1.644.784.184	1.474.667.619	90%	1.298.428.998
5	Nợ phải trả/VCSH	Lần	2,77	2,50	90%	2,18
6	Nợ vay NH/VCSH	Lần	1,77	1,45	82%	1,53
7	Nợ phải trả/VĐL	Lần	4,80	4,31	90%	3,79
X	**CỔ TỨC**	%	**2%**	**1,5%**	**75%**	**2,5%**

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thế Anh

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Nguyễn Hải Sơn